TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: **73**/2024/DS-ST
Ngày 12-9-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu
Ông Mai Văn Du

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2024/QĐST-DS ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng TMCP K**
Địa chỉ trụ sở: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.
Người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền số 390/QĐ-NHKL ngày 30/01/2024): Ông **Nguyễn Văn T**, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.(có mặt)
Địa chỉ liên hệ: số A N, phường V, quận T, TP Đà Nẵng.

-***Bị đơn:*** Anh **Dương Công H,** sinh năm: 1991(vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP K ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng TMCP K tôi vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại đơn khởi kiện và Bản tự khai có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể:

Nguyên vào ngày 10/05/2017, anh Dương Công H có ký Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017131000230 với Ngân hàng TMCP K (theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K), hạn mức thẻ được cấp là **20.000.000 đồng** (*Hai mươi triệu đồng),* cụ thể như sau:

Theo nội dung Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017131000230 ký ngày 10/05/2017 thì:

- Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng)*
- Loại thẻ: Visa credit C
- Mục đích vay: Tiêu dùng;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay & lãi suất quá hạn: 22%/năm.
- Căn cứ, điều kiện để tính lãi; các khoản phí mà anh Dương Công H phải chịu khi ký Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017131000230 được áp dụng: Theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế; Quy định về biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ tại Ngân hàng TMCP K; Bảng biểu phí thẻ tín dụng quốc tế.

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay: Không có tài sản đảm bảo

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh H rút tổng cộng số tiền gốc là **28.414.402 đồng**; và đã thanh toán cho Ngân hàng chúng tôi tổng cộng số tiền là: **12.584.413 đồng** trong đó nợ gốc là 8.700.460 đồng; số tiền lãi đã trả 3.645.949 đồng; số tiền phí phạt chậm trả là 238.004 đồng.

Sau khi giải ngân, anh Dương Công H đã thường xuyên không thực hiện thanh toán theo đúng qui định của sản phẩm thẻ tín dụng Quốc tế K1, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc & Thông báo đến khách hàng nhưng anh Dương Công H vẫn không thực hiện đúng. Và từ ngày 10/06/2018 đến nay, anh Dương Công H đã không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng TMCP K(từ thời điểm này Ngân hàng chúng tôi bắt đầu tính phí phạt chậm trả chưa thanh toán); ngày 10/7/2018 Ngân hàng đã khóa thẻ của anh H; đối với phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán thì được tính từ thời điểm ngày 10/01/2018 - là thời điểm số dư vượt hạn mức thẻ được cấp cho anh H. Tạm tính đến ngày xét xử 12/9/2024, dư nợ thẻ của anh Dương Công H tại cụ thể là:

+ Nợ gốc còn lại: 19.713.942 đồng

+Lãi phát sinh được điều chỉnh lại là : 27.163.112 đồng

+Phí phát sinh còn lại: 89.163.253 đồng (phí phạt chậm trả chưa thanh toán 42.604.547 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 46.308.706 đồng; phí thường niên 250.000 đồng).

Tổng cộng nợ gốc, lãi, phí là: **136.040.307 đồng.**

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu anh Dương Công H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/11/2023 là: **125.156.305 đồng** (Một trăm hai mươi lăm triệu, một trăm năm mươi sáu ngàn, ba trăm lẻ năm đồng) trong đó tiền nợ gốc là 19.713.942 đồng, tiền nợ lãi là 24.579.110

đồng và phí phát sinh là 80.863.253 đồng và đề nghị Tòa án buộc bị đơn anh H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/11/2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay.

Nay Ngân hàng TMCP K đề nghị:

-Buộc anh Dương Công H phải trả cho Ngân hàng K số tiền tạm tính đến ngày xét xử 12 /9/2024 là **136.040.307 đồng** *(Một trăm ba mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn, ba trăm lẻ bảy đồng)*. Trong đó bao gồm nợ gốc là: 19.713.942 đồng, nợ lãi phát sinh là: 27.163.112 đồng, phí phát sinh là 89.163.253 đồng (gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 42.604.547 đồng ; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 46.308.706 đồng; phí thường niên 250.000 đồng) và tiếp tục tính tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 13/9/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

-Trường hợp anh Dương Công H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án buộc khách hàng trả hết toàn bộ số tiền nợ Ngân hàng bao gồm gốc, lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng TMCP K tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc anh Dương Công H phải thanh toán cho Ngân hàng chúng tôi 03 khoản phí tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là: **89.163.253 đồng** trong đó bao gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 42.604.547 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 46.308.706 đồng; phí thường niên 250.000 đồng và Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là **46.877.054 đồng**. Trong đó: nợ gốc là 19.713.942 đồng, nợ lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 27.163.112 đồng.

**Bị đơn anh Dương Công H đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để anh H trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng tại tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn anh Dương Công H.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Dương Công H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh Dương Công H.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 357, 428,429,463,466,468,470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019; Khoản 2 điều 71; điều 217; 218, 147, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX xem xét:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với anh Dương Công H về việc yêu cầu anh H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K 03 khoản phí tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là: **89.163.253 đồng** (T1 mươi chín triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, hai trăm năm mươi ba đồng) trong đó bao gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 42.604.547 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 46.308.706 đồng; phí thường niên 250.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với anh Dương Công H. Buộc anh Dương Công H phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc; nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là **46.877.054 đồng** (Bốn mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó: nợ gốc là 19.713.942 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử 12/9/2024 là 27.163.112 đồng.

Kể từ ngày 13/9/2024, anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017131000230 được ký kết giữa anh Dương Công H với Ngân hàng TMCP K cho đến khi anh H thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí dân sự sơ thẩm anh H phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:***

[1.1] Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh Dương Công H và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Công H.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Căn cứ yêu cầu được rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K là ông Nguyễn Văn T với nội dung: Ngân hàng TMCP K đề nghị được rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Dương Công H phải thanh toán cho Ngân hàng

03 khoản phí tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là: **89.163.253 đồng** trong đó bao gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 42.604.547 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 46.308.706 đồng; phí thường niên 250.000 đồng nên HĐXX xét thấy cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng TMCP K là phù hợp với quy định tại Khoản 2 điều 71; điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc anh Dương Công H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm tính đến ngày 10/11/2023 là: **125.156.305 đồng** (Một trăm hai mươi lăm triệu, một trăm năm mươi sáu ngàn, ba trăm lẻ năm đồng) trong đó tiền nợ gốc là 19.713.942 đồng, tiền nợ lãi là 24.579.110 đồng và phí phát sinh là 80.863.253 đồng và đề nghị Tòa án buộc bị đơn anh H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/11/2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị anh H thanh toán số tiền 03 khoản phí tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là: **89.163.253 đồng** trong đó bao gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 42.604.547 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 46.308.706 đồng; phí thường niên 250.000 đồng và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc; nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là **46.877.054 đồng** (Bốn mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó: nợ gốc là 19.713.942 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử 12/9/2024 là 27.163.112 đồng.

HĐXX xét thấy:

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Dương Công H để triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh H vẫn không đến Tòa án theo triệu tập do vậy anh H không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.4] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào ngày 10/05/2017, anh Dương Công H có ký Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017131000230 với Ngân hàng TMCP K (theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K), hạn mức thẻ được cấp là **20.000.000 đồng** (*Hai mươi triệu đồng),* cụ thể như sau:

Theo nội dung Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017131000230 ký ngày 10/05/2017 thì:

- Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng)*
- Loại thẻ: Visa credit C
- Mục đích vay: Tiêu dùng;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay & lãi suất quá hạn: 22%/năm.

- Căn cứ, điều kiện để tính lãi; các khoản phí mà anh Dương Công H phải chịu khi ký Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017131000230 được áp dụng: Theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế; Quy định về biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ tại Ngân hàng TMCP K; Bảng biểu phí thẻ tín dụng quốc tế.

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay: Không có tài sản đảm bảo

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh H rút tổng cộng số tiền gốc là **28.414.402 đồng**; và đã thanh toán cho Ngân hàng T2 số tiền là: **12.584.413 đồng** trong đó nợ gốc là 8.700.460 đồng; số tiền lãi đã trả 3.645.949 đồng; số tiền phí phạt chậm trả là 238.004 đồng.

Sau khi giải ngân, anh Dương Công H đã thường xuyên không thực hiện thanh toán theo đúng qui định của sản phẩm thẻ tín dụng Quốc tế K1, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc & Thông báo đến khách hàng nhưng anh Dương Công H vẫn không thực hiện đúng. Và từ ngày 10/06/2018 đến nay, anh Dương Công H đã không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng TMCP K(từ thời điểm này Ngân hàng bắt đầu tính phí phạt chậm trả chưa thanh toán); ngày 10/7/2018 Ngân hàng đã khóa thẻ của anh H; đối với phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán thì được tính từ thời điểm ngày 10/01/2018 - là thời điểm số dư vượt hạn mức thẻ được cấp cho anh H. Tạm tính đến ngày xét xử 12/9/2024, dư nợ thẻ của anh Dương Công H tại cụ thể là:

+ Nợ gốc còn lại: 19.713.942 đồng

+Lãi phát sinh được điều chỉnh lại là : 27.163.112 đồng

+Phí phát sinh còn lại: 89.163.253 đồng (phí phạt chậm trả chưa thanh toán 42.604.547 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 46.308.706 đồng; phí thường niên 250.000 đồng).

Tổng cộng nợ gốc, lãi, phí là: 136.040.307 đồng.

và Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu anh H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc; nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là **46.877.054 đồng** (Bốn mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó: nợ gốc là **19.713.942 đồng**, nợ lãi tính đến ngày xét xử 12/9/2024 là **27.163.112 đồng** cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.5] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 357, 428,429,463,466,468,470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K, buộc anh Dương Công H phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là **46.877.054 đồng** (Trong đó: nợ gốc là 19.713.942 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử 12/9/2024 là 27.163.112 đồng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày 13/9/2024, anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín

dụng quốc tế K1 số 20017131000230 được ký kết giữa anh Dương Công H với Ngân hàng TMCP K cho đến khi anh H thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.6] Án phí dân sự sơ thẩm anh Dương Công H phải chịu là **2.343.852 đồng** (Hai triệu, ba trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm **3.128.907 đồng** (Ba triệu, một trăm hai mươi tám ngàn, chín trăm lẻ bảy đồng) cho Ngân hàng TMCP K.

[2.7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

Căn cứ quy định tại Điều 357, 428,429,463,466,468,470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019; Khoản 2 điều 71; điều 217; 218, 147, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX xem xét:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với anh Dương Công H về việc yêu cầu anh H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K 03 khoản phí tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là: **89.163.253 đồng** (T1 mươi chín triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, hai trăm năm mươi ba đồng) trong đó bao gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 42.604.547 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 46.308.706 đồng; phí thường niên 250.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với anh Dương Công H. Buộc anh Dương Công H phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc; nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là **46.877.054 đồng** (Bốn mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó: nợ gốc là 19.713.942 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử 12/9/2024 là 27.163.112 đồng.

Kể từ ngày 13/9/2024, anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017131000230 được ký kết giữa anh Dương Công H với Ngân hàng TMCP K cho đến khi anh H thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí dân sự sơ thẩm anh H phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP K.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428,429,463,466,468,470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019
- Khoản 2 điều 71; điều 217; 218, 147, 244, Khoản 2 Điều 227; Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với anh Dương Công H về việc yêu cầu anh H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K 03 khoản phí tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là: **89.163.253 đồng** (T1 mươi chín triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, hai trăm năm mươi ba đồng); trong đó bao gồm phí phạt chậm trả chưa thanh toán 42.604.547 đồng; phí phạt vượt hạn mức chưa thanh toán 46.308.706 đồng; phí thường niên 250.000 đồng.

II/ Chấp nhận cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với anh Dương Công H về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

- Buộc anh Dương Công H phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc; nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 12/9/2024 tổng cộng là **46.877.054 đồng** (Bốn mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó: nợ gốc là **19.713.942 đồng**, nợ lãi tính đến ngày xét xử 12/9/2024 là **27.163.112 đồng.**

Kể từ ngày 13/9/2024, anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017131000230 được ký kết giữa anh Dương Công H với Ngân hàng TMCP K cho đến khi anh H thanh toán xong khoản nợ gốc.

III/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Dương Công H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **2.343.852 đồng** (Hai triệu, ba trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng).

-Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm **3.128.907 đồng** (Ba triệu, một trăm hai mươi tám ngàn, chín trăm lẻ bảy đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001573 ngày 17/5/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ.

IV/ Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

V/ Ngân hàng TMCP K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Dương Công H vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

Tôi xin cung cấp cho Tòa án một số nội dung sau:

Ngày 19/4/2017, ông Huỳnh Thanh Tú có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông Tú vay theo hình thức tín chấp; thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 30/4/2017 đến ngày 30/4/2020; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông Tú vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên chúng tôi khởi kiện buộc ông Tú phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Số tiền ông Tú đã rút qua thẻ trong 4 lần, cụ thể:

Ngày 31/5/2017 rút số tiền 19.016.000đ

Ngày 31/7/2017 rút số tiền 500.000đ

Ngày 31/12/2017 rút số tiền 2.709.401đ

Ngày 31/01/2018 rút số tiền 357.800đ

Tổng cộng nợ gốc ông Tú đã vay thể hiện qua các lần rút tiền trong tài khoản là 22.633.201đ;

Quá trình vay, ông Tú đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 8.300.000đ. Cụ thể vào các ngày: Ngày 30/6/2017 trả 1.000.000đ; ngày 31/7/2017 trả

1.300.000đ; ngày 30/9/2017 trả 2.000.000đ; ngày 30/11/2017 trả 2.000.000đ; ngày 31/01/2018 trả 2.000.000đ.

Tuy nhiên hiện nay số tiền nợ gốc ông Tú phải trả cho Ngân hàng là: 21.401.662đ (gồm 14.333.201đ tiền đã rút từ tài khoản và 7.068.461đ tiền nợ lãi bị chuyển sang thành nợ gốc theo cam kết tại thỏa thuận vay)

Về số tiền lãi ông Tú phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chúng tôi là: 10.165.760đ số tiền lãi này được tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 27/8/2019 trong đó lãi trong hạn là 6.099.456đ; lãi quá hạn là 4.066.304đ.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh Tú phải trả cho Ngân hàng số tiền: 27.447.614đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm mười bốn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 21.401.662đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/12/2018 là 6.045.952đ và đề nghị ông Tú phải thanh toán tiếp số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/12/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 27/8/2019(ngày xét xử) thì số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Tú phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 21.401.662đ ; Nợ lãi: 10.165.760đ (lãi trong hạn là 6.099.456đ, lãi quá hạn là 4.066.304đ) Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Tú phải thanh toán là: 31.567.382đ.